

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 481,722,187,590 | 542,933,471,854 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 9,750,162,314 | 62,452,741,809 |
| 1. Tiền | 111 | | 9,750,162,314 | 62,452,741,809 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 84,867,683,382 | 84,867,683,382 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 299,500,000 | 299,500,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 84,568,183,382 | 84,568,183,382 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 227,628,336,207 | 258,797,418,535 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 210,950,402,416 | 246,351,734,608 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2,143,696,646 | 2,276,293,208 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5a | 7,250,000,000 | 7,250,000,000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 7,468,203,131 | 3,103,356,705 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (183,965,986) | (183,965,986) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 153,671,827,499 | 130,462,194,251 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 153,671,827,499 | 130,462,194,251 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5,804,178,188 | 6,353,433,877 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 2,323,501,580 | 2,185,018,929 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3,480,676,608 | 4,168,414,948 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 170,417,616,291 | 169,688,049,096 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 129,897,202,286 | 128,549,239,718 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5b | 63,346,720,000 | 63,346,720,000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 66,550,482,286 | 65,202,519,718 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 30,309,801,785 | 31,367,957,192 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 23,456,883,465 | 24,385,400,529 |
| - Nguyên giá | 222 | | 85,969,221,006 | 85,886,871,006 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (62,512,337,541) | (61,501,470,477) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 6,761,488,243 | 6,886,906,735 |
| - Nguyên giá | 225 | | 7,428,609,798 | 7,428,609,798 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (667,121,555) | (541,703,063) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 91,430,077 | 95,649,928 |
| - Nguyên giá | 228 | | 481,350,800* | 481,350,800* |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (389,920,723) | (385,700,872) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 803,973,203 | 36,122,411 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 803,973,203 | 36,122,411 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 4,878,539,787 | 4,878,539,787 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 15,000,000,000 | 15,000,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 27,000,000,000 | 27,000,000,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (37,121,460,213) | (37,121,460,213) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4,528,099,230 | 4,856,189,988 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 4,528,099,230 | 4,856,189,988 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 652,139,803,881 | 712,621,520,950 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 445,319,502,448 | 502,591,529,451 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 442,371,441,752 | 499,292,585,370 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 71,078,088,783 | 73,436,138,916 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 6,495,482,942 | 790,003,865 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 1,026,847,401 | 2,372,007,604 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 4,740,480,568 | 10,508,176,230 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 14,389,574,757 | 14,039,364,274 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 2,475,098,920 | 1,253,880,890 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 341,041,819,396 | 395,768,964,606 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1,124,048,985 | 1,124,048,985 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2,948,060,696 | 3,298,944,081 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 2,948,060,696 | 3,298,944,081 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 206,820,301,433 | 210,029,991,499 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 206,820,301,433 | 210,029,991,499 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19 | 168,299,940,000 | 168,299,940,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 168,299,940,000 | 168,299,940,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.19 | 17,173,652,728 | 17,173,652,728 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19 | 21,346,708,705 | 24,556,398,771 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 24,556,398,771 | (2,315,241,875) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (3,209,690,066) | 26,871,640,646 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 652,139,803,881 | 712,621,520,950 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023


Lê Kim Dung
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | QUÝ 1/2023 | QUÝ 1/2022 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 107,911,885,598 | 134,561,221,247 | 107,911,885,598 | 134,561,221,247 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 107,911,885,598 | 134,561,221,247 | 107,911,885,598 | 134,561,221,247 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 97,693,974,332 | 123,093,171,274 | 97,693,974,332 | 123,093,171,274 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10,217,911,266 | 11,468,049,973 | 10,217,911,266 | 11,468,049,973 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 5,325,462,172 | 3,175,213,773 | 5,325,462,172 | 3,175,213,773 |
| 7. Chi phí tài chính | 6,190,791,580 | 3,906,581,908 | 6,190,791,580 | 3,906,581,908 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 5,532,888,835 | 2,748,476,407 | 5,532,888,835 | 2,748,476,407 |
| 8. Chi phí bán hàng | 3,294,609,827 | 3,881,061,048 | 3,294,609,827 | 3,881,061,048 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9,255,029,933 | 8,058,296,607 | 9,255,029,933 | 8,058,296,607 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (3,197,057,902) | (1,202,675,817) | (3,197,057,902) | (1,202,675,817) |
| 11. Thu nhập khác | 62,768 | 689,949 | 62,768 | 689,949 |
| 12. Chi phí khác | 12,694,932 | 50,117,200 | 12,694,932 | 50,117,200 |
| 13. Lợi nhuận khác | (12,632,164) | (49,427,251) | (12,632,164) | (49,427,251) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (3,209,690,066) | (1,252,103,068) | (3,209,690,066) | (1,252,103,068) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | <u>(3,209,690,066)</u> | <u>(1,252,103,068)</u> | <u>(3,209,690,066)</u> | <u>(1,252,103,068)</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | - | - | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023


Lê Kim Dung
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này | |
|--|-----------|-----------------|------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (3,209,690,066) | (960,973,943) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11 | 1,140,505,407 | 1,121,305,465 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2b | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.3 | - | (43,802,830) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.7 | - | (1,666,846,471) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | - | 2,748,476,407 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (2,069,184,659) | 1,198,158,628 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 30,508,858,100 | 17,977,209,083 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (23,209,633,248) | (1,563,661,902) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (2,193,998,408) | (10,094,326,607) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 189,608,107 | 45,713,325 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.17, VI.4 | - | (2,722,828,926) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 3,225,649,892 | 4,840,263,602 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.11, V.12 | (850,200,792) | (209,848,006) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.7 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (7,250,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 26,722,419,857 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.6, VI.3 | - | 271,733,471 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (850,200,792) | 19,534,305,322 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18 | 132,649,773,963 | 145,181,355,631 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18 | (187,106,035,788) | (173,540,850,034) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.18 | (621,766,770) | (355,521,516) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.17, V.19 | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(55,078,028,595)</i> | <i>(28,715,015,919)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> | <i>50</i> | | <i>(52,702,579,495)</i> | <i>(4,340,446,996)</i> |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 62,452,741,809 | 8,155,905,964 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 12,319,635 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>9,750,162,314</u> | <u>3,827,778,603</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023


Lê Kim Dung
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75.00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45.00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 449 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 453 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

336
ÔNG
ỔP
RA
T.E.T

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

552
CÔNG TY
HÀNG
CÔNG
PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ báo cáo do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 02 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị là 15 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 - 07 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ báo cáo và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ báo cáo và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Y
N
G
CHI LAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 430.281.969 | 206.865.749 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 9.319.880.345 | 62.245.876.060 |
| Cộng | 9.750.162.314 | 62.452.741.809 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

2c. Đầu tư vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 15.000.000.000 | (15.000.000.000) | 15.000.000.000 | (15.000.000.000) |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy ⁽ⁱ⁾ | 15.000.000.000 | (15.000.000.000) | 15.000.000.000 | (15.000.000.000) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 27.000.000.000 | (22.121.460.213) | 27.000.000.000 | (22.121.460.213) |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary ⁽ⁱⁱ⁾ | 27.000.000.000 | (22.121.460.213) | 27.000.000.000 | (22.121.460.213) |
| Cộng | 42.000.000.000 | (37.121.460.213) | 42.000.000.000 | (37.121.460.213) |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 14 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Công ty đã góp đủ 27.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>Luỹ kế Năm 2023</u> | <u>Luỹ kế Năm 2022</u> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu kỳ | 37,121,460,213 | 34.187.464.461 |
| Hoàn nhập dự phòng trong kỳ | _____ | 4.338.448.261 |
| Số cuối kỳ | <u>37.121.460.213</u> | <u>38.525.912.722</u> |

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary | | |
| Bán nguyên vật liệu | 263.758.309 | 18.050.807.957 |
| Cho thuê MMTB | 408.534.000 | 300.444.000 |
| Thuê dịch vụ gia công | 2.113.442.465 | 4.554.741.589 |
| Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp | 1.820.669.699 | 1.811.377.356 |
| Mua nguyên vật liệu | 4.412.062.830 | 8.687.783.850 |
| Cho mượn | - | - |
| Cho vay | - | - |
| Lãi cho vay | 1.374.195.000 | 1.395.113.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy | | |
| Bán thành phẩm | | - |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 55.522.680.540 | 50.693.098.999 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy | 1.627.655.745 | 1.895.696.587 |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary | 53.895.024.795 | 48.797.402.412 |
| Phải thu các khách hàng khác | 155.427.721.876 | 195.658.635.609 |
| Trangs Group USA Incorporated | 55.040.197.709 | 59.484.623.124 |
| Trangs Europe B.V | - | 21.905.718.942 |
| Trangs UK Limited | 63.116.532.284 | 88.106.362.571 |
| Các khách hàng khác | 37.270.991.883 | 26.161.930.972 |
| Cộng | <u>210.950.402.416</u> | <u>246.351.734.608</u> |

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---|----------------------|----------------------|
| CÔNG TY TNHH SMART INGREDIENTS | 4.959.360 | 242.563.680 |
| Trại nuôi tôm Ngô Hồng Lâm | 300.000.000 | 300.000.000 |
| CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN | 350.000.000 | 290.000.000 |
| CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM VIỆT AN TOÀN | 623.400.000 | 623.400.000 |
| CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÂN THỊNH | 430.224.800 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 435.112.486 | 820.329.528 |
| Cộng | 2.143.696.646 | 2.276.293.208 |

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn | | - | 34.000.000 | - |
| Tạm ứng | 2.050.377.605 | - | 2.050.377.605 | - |
| Thuế GTGT chờ hoàn | 4.168.414.949 | - | | - |
| Lãi dự thu | 1.129.480.289 | - | 1.000.979.245 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 10.011.893 | - | 17.999.855 | - |
| Cộng | 7.468.203.131 | - | 3.103.356.705 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu bên liên quan | 65.580.558.614 | - | 64.206.363.614 | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Khoản ký quỹ | 16.110.517.890 | - | 14.736.322.890 | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Lãi cho vay | 49.470.040.724 | - | 49.470.040.724 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 969.923.672 | - | 996.156.104 | - |
| Các khoản ký quỹ dài hạn | 598.223.982 | - | 598.223.982 | - |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | 371.699.690 | - | 397.932.122 | - |
| Cộng | 66.550.482.286 | - | 65.202.519.718 | - |

6. Nợ quá hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu kỳ | |
|---|----------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê – trả trước cho người bán | Trên 03 năm | 68.750.000 | - | Trên 03 năm | 68.750.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội – trả trước cho người bán | Trên 03 năm | 50.000.000 | - | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 50.000.000 | - |
| MARIOX TRADING | | 130,431,972 | - | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | - | - |
| Cộng | | 249.181.972 | - | | 118.750.000 | - |

Tình hình biến động dự phòng khoản trả trước cho người bán quá hạn như sau:

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu kỳ | 118.750.000 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Số cuối kỳ | 118.750.000 | - |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | | - | 737.094.632 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 114.622.435.182 | - | 98.879.978.215 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 2.674.034.106 | - | 2.629.132.099 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 8.632.835.752 | - | 12.849.183.707 | - |
| Thành phẩm | 27.736.703.959 | - | 15.350.526.894 | - |
| Hàng hóa | 5.818.500 | - | 5.818.500 | - |
| Hàng gửi đi bán | | - | | - |
| Cộng | 153.671.827.499 | - | 144.887.072.234 | - |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Luỹ kế năm 2022</u> | <u>Luỹ kế năm 2021</u> |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu kỳ | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | - | - |

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 784.188.872 | 799.995.540 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.539.312.708 | 1.385.023.389 |
| Cộng | 2.323.501.580 | 2.185.018.929 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 734.835.418 | 847.742.966 |
| Chi phí sửa chữa | 414.861.115 | 434.991.326 |
| Tiền thuê đất | 3.210.536.170 | 3.241.297.474 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 167.866.527 | 332.158.222 |
| Cộng | 4.528.099.230 | 4.856.189.988 |

9. Phải thu về cho vay

9a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 06%/năm và thời hạn vay 09 tháng.

9b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 08%/năm và thời hạn vay 18 tháng.

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 15.071.048.944 | 63.738.221.944 | 5.448.960.381 | 1.628.639.737 | 85.886.871.006 |
| Mua trong kỳ | | 82.350.000 | | | |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | | | | | |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | | | | | |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | | | | | |
| Thanh lý | | | | | |
| Số cuối kỳ | 15.071.048.944 | 63.738.221.944 | 5.448.960.381 | 1.628.639.737 | 85.886.871.006 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 2.335.777.633 | 26.197.415.549 | 1.859.878.985 | 1.336.957.919 | 31.288.196.739 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 9.809.342.712 | 47.635.439.668 | 2.591.396.027 | 1.465.292.071 | 61.501.470.477 |
| Khấu hao trong kỳ | 148.478.460 | 737.905.572 | 112.158.786 | 12.324.246 | 1.010.867.064 |
| Số cuối kỳ | 9.957.821.172 | 48.373.345.240 | 2.703.554.813 | 1.477.616.317 | 62.512.337.541 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-----------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------|
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 5.261.706.232 | 16.102.782.277 | 2.857.564.354 | 163.347.666 | 24.385.400.529 |
| Số cuối kỳ | 5.113.227.772 | 15.447.226.705 | 2.745.405.568 | 151.023.420 | 23.456.883.465 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.515.918.707 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.20).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-------------------|---------------|-------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 7.428.609.798 | 541,703,063 | 6,886,906,735 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 125,418,492 | - |
| Số cuối kỳ | 7.428.609.798 | 667,121,555 | 6,761,488,243 |

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------------------------|-------------|---------------------------|-----------------|
| Số đầu kỳ | 481.350.800 | 385.700.872 | 95.649.928 |
| Mua mới trong kỳ | | | |
| Khấu hao trong kỳ | | 4,219,851 | |
| Số cuối kỳ | 481.350.800 | 389,920,723 | 91,430,077 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 366.030.800 | - | - |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

| | Số đầu kỳ | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển chi phí phân bổ | Số cuối kỳ |
|------------------------------|------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-------------|
| Mua sắm tài sản cố định | | 763.168.956 | | | 763.168.956 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 36.122.410 | 4.681.836 | | | 40.804.247 |
| Cộng | 36.122.410 | 767.850.792 | | | 803.973.203 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả bên liên quan | 1.958.439.103 | 396.366.128 |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary | 1.958.439.103 | 396.366.128 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác 10%</i> | 69.119.649.680 | 73.039.772.788 |
| Công Ty TNHH TMDV Khánh Hải | 10.477.285.090 | 13.463.009.620 |
| Công Ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga | 6.795.022.820 | 3.122.913.290 |
| Các nhà cung cấp khác | 51.847.341.770 | 56.453.849.878 |
| Cộng | <u>71.078.088.783</u> | <u>73.436.138.916</u> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Noramix Trade AS | 4.765.174.444 | |
| GRAY MACKENZIE RETAIL LEBANON S.A.L | 1.705.632.182 | 790.003.865 |
| Các khách hàng khác | 24.676.316 | |
| Cộng | <u>6.495.482.942</u> | <u>790.003.865</u> |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu kỳ</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | 62.710.086 | (62.710.086) | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | | 18.265.074 | (18.265.074) | |
| | | - | (1.286.047.195) | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.303.302.070 | | | 1.017.254.875 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 68.705.534 | 573.662.712 | (632.775.720) | 9.592.526 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | | 4.360.000 | (4.360.000) | - |
| Cộng | <u>2.372.007.604</u> | <u>658.997.872</u> | <u>(2.004.158.075)</u> | <u>1.026.847.401</u> |

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|---------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền lương phải trả | 4.740.480.568 | 10.508.176.230 |
| Cộng | <u>4.740.480.568</u> | <u>10.508.176.230</u> |

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|------------------------------------|-------------------|------------------|
| Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả | 13.580.462.757 | 13.086.769.607 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 809.112.000 | 952.594.667 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Cộng | <u>Số cuối kỳ</u> 14.389.574.757 | <u>Số đầu kỳ</u> 14.039.364.274 |
|--|--|---|
| 19. Phải trả ngắn hạn khác | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | | |
| Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả | 168,657,535 | |
| | 2,306,441,385 | |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | 1.253.880.890 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 1,481,424,758 | 460.158.980 |
| Cổ tức phải trả | 772,935,619 | 772,935,619 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 52,081,008 | 20,786,291 |
| Cộng | <u>2,475,098,920</u> | <u>1.253.880.890</u> |
| Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán. | | |
| 20. Vay và nợ thuê tài chính | | |
| 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i> | 7.200.000.000 | 7.200.000.000 |
| Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt | 7.200.000.000 | 7.200.000.000 |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i> | 333.841.819.396 | 388.568.964.606 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 332.438.285.846 | 387.165.431.056 |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾ | 87.076.373.665 | 81.233.373.450 |
| Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 62.054.634.698 | 78.187.463.361 |
| Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 50.708.627.766 | 59.046.085.200 |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(iv) | 43.835.338.955 | 39.395.548.027 |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ^(iv) | - | - |
| Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv) | 16.240.492.650 | 34.306.161.906 |
| Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ^(iv) | - | - |
| Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv) | 39.094.858.378 | 39.235.353.792 |
| Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tp.HCM ^(v) | 33.427.959.734 | 55.761.445.320 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ | 160.000.000 | 160.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Chí Minh</i> | | |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.20b) | 1.243.533.550 | 1.243.533.550 |
| <i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease</i> | | |
| <i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> | 1.243.533.550 | 1.243.533.550 |
| Cộng | 341.041.819.396 | 395.768.964.606 |

- Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.7).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho. (xem các thuyết minh số V.3 và V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.2b, V.3 và V.7).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản, máy móc thiết bị thuộc nhà xưởng của Công ty TNHH Thực phẩm Dary.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu kỳ | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|------------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 387.165.431.056 | 135.156.267.050 | | (189.883.412.260) | 332.438.285.846 |
| Vay ngắn hạn | 7.200.000.000 | | | | 7.200.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số đầu kỳ | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|
| các cá nhân | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 160.000.000 | | | | 160.000.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 1.243.533.550 | | 310.883.385 | (310.883.385) | 1.243.533.550 |
| Cộng | 395.768.964.606 | 135.156.267.050 | 310.883.385 | (190.194.295.645) | 341.041.819.396 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|--|----------------------|----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 120.000.000 | 160.000.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 120.000.000 | 160.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 2.828.060.696 | 3.138.944.081 |
| Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.828.060.696 | 3.138.944.081 |
| Cộng | 2.948.060.696 | 3.298.944.081 |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con. nhãn hiệu Kia (xem thuyết minh V.9).
- (ii) Công ty thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.02/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.03/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.04/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.05/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.06/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022. lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 4 năm.

Công ty có khả năng trả được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Tổng nợ</u> | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> |
|-----------------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 280.000.000 | 160.000.000 | 120.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 4.071.594.246 | 1.243.533.550 | 2.828.060.696 |
| Cộng | 4.351.594.246 | 1.403.533.550 | 2.948.060.696 |
| Số đầu kỳ | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 320.000.000 | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 3.138.944.081 | 1.243.533.550 | 3.138.944.081 |
| Cộng | 4.702.477.631 | 1.403.533.550 | 3.298.944.081 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu kỳ</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------|----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 320.000.000 | - | - | (160.000.000) | 160.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 2.417.051.142 | 3.159.700.000 | (947.910.000) | (1.386.269.266) | 3.242.571.876 |
| Cộng | 2.737.051.142 | 3.159.700.000 | (947.910.000) | (1.546.269.266) | 3.402.571.876 |

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--|-----------------|
| Số dư đầu kỳ năm trước | 168.299.940.000 | 17.173.652.728 | (2.315.241.875) | 226.687.365.891 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | 27.412.040.646 | 27.412.040.646 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - |
| Trích thù lao Hội đồng quản trị | - | - | (540.400.000) | (540.400.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-------------------------|---|------------------------|
| Số dư cùng kỳ năm trước | <u>168.299.940.000</u> | <u>17.173.652.728</u> | <u>24.556.398.771</u> | <u>210.029.991.499</u> |
| Số dư đầu kỳ năm nay | 168.299.940.000 | 17.173.652.728 | 24.556.398.771 | 210.029.991.499 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | (3,209,690,066) | (3,209,690,066) |
| Trích thù lao HĐQT | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ năm nay | <u>168.299.940.000</u> | <u>17.173.652.728</u> | <u>21,346,708,705</u> | <u>206,820,301,433</u> |

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông David Ho | 38.600.000.000 | 38.600.000.000 |
| Ông Hồ Văn Trung | 28.874.000.000 | 28.874.000.000 |
| Bà Nguyễn Minh Nguyệt | 37.061.000.000 | 37.061.000.000 |
| Bà Susan Ho | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | <u>53.764.940.000</u> | <u>53.764.940.000</u> |
| Cộng | <u>168.299.940.000</u> | <u>168.299.940.000</u> |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) |
|-----------------------|--|----------------------|--------------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | |
| Ông David Ho | 38.600.000.000 | 22.94 | 38.600.000.000 |
| Ông Hồ Văn Trung | 28.874.000.000 | 17.16 | 28.874.000.000 |
| Bà Nguyễn Minh Nguyệt | 37.061.000.000 | 22.02 | 37.061.000.000 |
| Bà Susan Ho | 10.000.000.000 | 5.94 | 10.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | <u>53.764.940.000</u> | <u>31.95</u> | <u>53.764.940.000</u> |
| Cộng | <u>168.299.940.000</u> | <u>100.00</u> | <u>168.299.940.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.829.994 | 16.829.994 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 16.829.994 | 16.829.994 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.829.994 | 16.829.994 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.829.994 | 16.829.994 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.829.994 | 16.829.994 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu kỳ</u> |
|-----------------|-------------------|------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 318,823.49 | 2,221,466.02 |
| Bảng Anh (GBP) | 108.34 | 108.34 |
| Euro (EUR) | 4.88 | 4.88 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu xuất khẩu | 103.079.939.761 | 125.567.977.397 |
| Doanh thu nội địa | 4.831.945.837 | 8.993.243.850 |
| Cộng | 107.911.885.598 | 134.561.221.247 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 93.380.628.710 | 114.749.037.180 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán | 4.313.345.622 | 8.344.134.094 |
| Cộng | 97.693.974.332 | 123.093.171.274 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | Quý 1 năm 2023 | Quý 1 năm 2022 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 428.071.289 | 271.733.471 |
| Lãi tiền cho vay | 1.374.195.000 | 1.395.113.000 |
| Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.870.180.265 | 46.414.689 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 795.731.968 | 894.464.261 |
| Lãi dự thu | 857.283.650 | 567.488.352 |
| Cộng | 5.325.462.172 | 3.175.213.773 |
| 4. Chi phí tài chính | Quý 1 năm 2023 | Quý 1 năm 2022 |
| Chi phí lãi vay | 5.428.558.652 | 2.681.853.544 |
| Chi phí thuê tài chính | 104.330.183 | 66.622.863 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 657.902.745 | 1.158.105.501 |
| Cộng | 6.190.791.580 | 3.906.581.908 |
| 5. Chi phí bán hàng | Quý 1 năm 2023 | Quý 1 năm 2022 |
| Chi phí cho nhân viên | 425.161.600 | 401.936.710 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 246.875.564 | 239.767.649 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 21.658.321 | 2.636.364 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 29.381.781 | 28.924.519 |
| Chi phí phục vụ xuất khẩu hàng hóa | 1.661.148.439 | 2.089.263.844 |
| Các chi phí khác | 910.384.122 | 1.118.531.962 |
| Cộng | 3.294.609.827 | 3.881.061.048 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | Quý 1 năm 2023 | Quý 1 năm 2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.153.230.639 | 5.606.663.824 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 74.271.053 | 99.926.684 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 154.404.387 | 96.578.763 |
| Thuế, phí và lệ phí | 232.832.594 | 218.406.673 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.418.313.819 | 656.259.492 |
| Các chi phí khác | 1.196.977.441 | 1.380.461.171 |
| Chi phí (Không chứng từ) | <u>25.000.000</u> | |
| Cộng | <u>9.255.029.933</u> | <u>8.058.296.607</u> |
| 7. Lãi trên cổ phiếu | | |
| Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. | | |
| 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 165.331.940.029 | 184.054.427.584 |
| Chi phí nhân công | 14.379.476.653 | 26.040.131.179 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.059.645.981 | 1.068.920.273 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.706.279.661 | 6.664.442.717 |
| Chi phí khác | <u>2.716.386.132</u> | <u>3.160.142.290</u> |
| Cộng | <u>191.193.728.457</u> | <u>220.988.064.044</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

| | <u>Quý 1 năm 2023</u> | <u>Quý 1 năm 2022</u> |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Đi vay | 7,200,000,000 | 3,000,000,000 |
| Chi phí lãi vay | 177,534,247 | 60,123,288 |

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong kỳ là 1.251.392.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.208.881.267 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasummy | Công ty con |
| Công ty TNHH Thực phẩm Dary | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.9 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của Ban Tổng Giám đốc. không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó. Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh. ngày 27 tháng 04 năm 2023



Lê Kim Dung
Người lập



Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng



Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

